

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP - PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2145/SNNPTNT-KHTC

Kiên Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2021

V/v Đề nghị đăng tải dự thảo Quyết định Ban hành quy định tạm thời cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên cổng thông tin điện tử.

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về quản lý rừng bền vững;

Thực hiện Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Được sự chấp thuận của UBND tỉnh về chủ trương xây dựng Quyết định ban hành Quy định tạm thời cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tại Công văn số 7671/VP-KT, ngày 06/10/2021 và Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Công văn 2004/STP-XD&KTrVB, ngày 29/9/2021. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến của các sở, ngành, địa phương có liên quan đối với dự thảo Quy định tạm thời cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải dự thảo Quyết định (đính kèm dự thảo) đề Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục nhận được phản hồi đóng góp ý kiến và hoàn thiện dự thảo trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt. *Nhau*

Nơi nhận:

- Như k/g;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, tubao.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Thanh Hào

Số: /2021/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định tạm thời cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Du lịch 2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ Số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về quản lý rừng bền vững;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số: .../TTr-SNNPTNT ngày /9/2021 về việc ban hành Quyết định về quy định tạm thời cho thuê rừng và môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Du lịch, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ rừng và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp – PTNT;
- Cục Kiểm tra VB QPPL – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- TV. UBND tỉnh;
- Như Điều 3 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Tạm thời cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

*(Ban hành theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày / /2021
của UBND tỉnh Kiên Giang).*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định tạm thời việc cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối với trường hợp các chủ rừng tự sử dụng môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thực hiện theo quy định tại Điều 53, Điều 56, Điều 60 Luật Lâm nghiệp năm 2017; Điều 14, Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước có nguồn lực và nhu cầu thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Chủ rừng được xác định trong quy định này gồm: Vườn Quốc gia Phú Quốc, Vườn Quốc gia U Minh Thượng và Ban quản lý rừng Kiên Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Môi trường rừng là một bộ phận của hệ sinh thái rừng; bao gồm các yếu tố vật chất tạo nên cảnh quan môi trường rừng như: đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, cây rừng, thác nước...

2. Thuê môi trường rừng là việc nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) thỏa thuận với chủ rừng để được sử dụng môi trường rừng trong một thời gian nhất định thông qua hợp đồng cho thuê môi trường rừng theo quy định của pháp luật.

3. Hợp đồng cho thuê môi trường rừng là hợp đồng dân sự giữa chủ rừng với bên thuê môi trường rừng (tổ chức, cá nhân), trong đó thể hiện và ràng buộc rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các bên liên quan; biện pháp xử lý, chế tài xử lý đối với các bên khi có hành vi vi phạm pháp luật hoặc không thực hiện

đúng các nội dung cam kết giữa các bên được thể hiện trong hợp đồng hoặc quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong quy định này bao gồm: dịch vụ lữ hành, vận chuyển hành khách du lịch nội bộ trong rừng và lưu trú du lịch trong rừng; dịch vụ ăn uống, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, thăm quan và các dịch vụ liên quan khác phục vụ khách du lịch trong phạm vi khu vực được thuê môi trường rừng.

5. Phương án quản lý rừng bền vững là hồ sơ được xây dựng và có nội dung đúng quy định tại Điều 27 Luật Lâm nghiệp; quy chế quản lý rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.

6. Đất trống là những diện tích không có cây rừng (kể cả cây gỗ mục đích tái sinh), có diện tích lớn hơn 0,3 ha ($> 0,3$ ha) và được thể hiện thành một lô trạng thái riêng trong hồ sơ kiểm kê tài nguyên rừng theo quy định. Những vị trí đất trống có diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 0,3 ha ($\leq 0,3$ ha) không thể hiện thành lô trạng thái riêng trong hồ sơ kiểm kê tài nguyên rừng nhưng được xác định là những địa điểm xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong đề án, dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được xây dựng các công trình theo đúng vị trí, quy mô, cấu trúc được duyệt theo quy định tại Điều 14, Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (không phải chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng sang mục đích khác để xây dựng các công trình phục vụ các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí).

7. Tỷ lệ xây dựng công trình có mái che là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích được phép xây dựng, lắp đặt các công trình có mái che phục vụ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

8. Vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường là các loại vật liệu như: gỗ, tre, mây; các loại ván ghép, ván ép có nguyên liệu đầu vào từ gỗ, tre, mây và các loại vật liệu khác thân thiện với môi trường.

9. Hội đồng thẩm định dự án và lựa chọn nhà đầu tư cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (Hội đồng thẩm định) được Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) thành lập do lãnh đạo UBND tỉnh làm Chủ tịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm phó chủ tịch thường trực, thủ trưởng các sở, ngành, địa phương có liên quan làm thành viên. Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang.

Điều 4. Nguyên tắc cho thuê môi trường rừng

1. Việc cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải vừa đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng vừa bảo vệ và phát huy hiệu quả môi trường rừng, tăng thu nhập cho tổ chức, cá nhân và Nhà nước, góp phần nâng cao giá trị của rừng, đất rừng và phát triển

kinh tế - xã hội tại địa phương; phát huy trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng của chủ rừng và tổ chức, cá nhân được thuê môi trường rừng.

2. Việc cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải phù hợp với Phương án quản lý rừng bền vững và Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của đơn vị chủ rừng đã được phê duyệt; không làm thay đổi quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất; không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa, các công trình công cộng và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đối tượng nhận khoán quản lý bảo vệ rừng.

Không điều chỉnh Đề án theo yêu cầu của nhà đầu tư thuê môi trường rừng mà việc điều chỉnh Đề án đó làm ảnh hưởng đến phương án quản lý rừng bền vững của khu rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; làm suy thoái tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và các chức năng khác của khu rừng.

3. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải đảm bảo năng lực về tài chính, quản trị, nhân lực để thực hiện dự án và phải chịu sự kiểm tra, giám sát về hoạt động kinh doanh, trật tự xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; về quản lý bảo vệ rừng của đơn vị chủ rừng và các cơ quan, cấp có thẩm quyền.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Hạn mức, thời gian, tỷ lệ, chất liệu xây dựng trên diện tích cho thuê môi trường rừng

1. Hạn mức cho thuê môi trường rừng tối thiểu là 10 ha, tối đa là 60 ha.

2. Thời gian cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí không quá 30 năm (theo quy định tại khoản 6 Điều 14, khoản 6 Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp).

3. Sau khi hết thời hạn thuê môi trường rừng, trường hợp nhà đầu tư thuê môi trường rừng thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu thì được xem xét ưu tiên để tiếp tục cho thuê chu kỳ sau.

4. Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải xây dựng theo đúng vị trí, địa điểm, quy mô, cấu trúc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Đề án, dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; kiến trúc công trình dạng Bungalow, được làm bằng các loại vật liệu thân thiện với môi trường nhưng phải đảm bảo an toàn, phù hợp với điều kiện tự nhiên, độ dốc của khu đất, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên (không sử dụng kết cấu bê tông, bê tông cốt sắt/thép); không gây ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, cảnh quan khu rừng; không san gạt mặt bằng; không tác động tiêu cực đến cây rừng. Khuyến khích sử dụng các công trình được kết cấu bằng hình thức lắp ghép sẵn, đa chức năng. Quá trình xây dựng công trình phục vụ hoạt động du

lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thì nhà đầu tư thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí không phải lập quy hoạch tổng mặt bằng và thiết kế xây dựng (theo quy định tại Điều 14, Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ).

5. Tỷ lệ tác động xây dựng công trình có mái che để phục vụ hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tùy thuộc vào diện tích đất trống và diện tích được thuê môi trường rừng; cụ thể như sau:

a) Diện tích thuê môi trường rừng từ 10 ha đến dưới 30 ha: thì tỷ lệ tác động xây dựng công trình có mái che không quá 3,0% tổng diện tích được thuê môi trường rừng.

b) Diện tích thuê môi trường rừng từ 30 ha đến 60 ha: thì tỷ lệ tác động xây dựng công trình có mái che không quá 2,5% tổng diện tích được thuê môi trường rừng.

Tỷ lệ tác động xây dựng công trình có mái che phải được thể hiện cụ thể trong Đề án, dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên cùng đề nghị được thuê môi trường rừng tại một địa điểm/diện tích thì tổ chức đấu giá cho thuê môi trường rừng.

7. Mức giá cho thuê môi trường rừng: Thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 14 và khoản 6 Điều 23 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, mức giá cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí do các bên tự thỏa thuận; cụ thể: đối với Phú Quốc là 2%; địa bàn các huyện, thành phố: Hòn Đất, Kiên Lương, Kiên Hải và Hà Tiên là 1,5%; vùng U Minh Thượng là 1% theo tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng.

8. Nhà đầu tư được thuê môi trường để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thực hiện dự án chậm tiến độ, thực hiện không đúng nội dung hợp đồng thuê môi trường, vi phạm pháp luật trong thực hiện các hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, quản lý bảo vệ rừng, quản lý đất đai và các vi phạm liên quan khác trên diện tích được thuê môi trường rừng sẽ bị xem xét, chấm dứt hợp đồng thuê môi trường trước thời hạn ký kết. Nhà đầu tư được thuê môi trường để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí lợi dụng việc thuê môi trường rừng để thực hiện các hoạt động, hành vi vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Tiền cho thuê môi trường rừng

1. Nhà đầu tư thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải nộp tiền thuê môi trường rừng hàng năm vào tài khoản của chủ rừng tại Kho bạc Nhà nước. Cuối năm chủ rừng lập báo cáo trình UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổng số tiền tu

được từ cho thuê môi trường rừng và nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước trong tháng 01 của năm sau.

2. Tiền thu được từ hoạt động cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí là nguồn thu của ngân sách của nhà nước; đồng thời được cân đối và trích tỷ lệ phù hợp cấp lại cho chủ rừng để đảm bảo cho hoạt động quản lý việc cho thuê môi trường rừng.

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và ký hợp đồng thuê môi trường rừng

1. UBND tỉnh phê duyệt dự án cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên cơ sở kết quả thẩm định và đề xuất của Hội đồng thẩm định.

2. Các chủ rừng ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng với các nhà đầu tư kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí sau khi có Quyết định phê duyệt dự án cho thuê môi trường rừng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

1. Sau khi phương án quản lý rừng bền vững, Đề án du lịch sinh thái được phê duyệt; chủ rừng hướng dẫn tổ chức, cá nhân xin thuê môi trường rừng lập dự án đầu tư thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Nội dung chủ yếu của dự án, gồm:

a) Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên; tài nguyên du lịch và các loại sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

b) Thuyết minh chi tiết phương án phát triển các tuyến, địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, gồm: vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và phương thức tổ chức thực hiện.

c) Địa điểm, quy mô xây dựng, vật liệu xây dựng, cấu trúc các công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

d) Các giải pháp bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và duy trì các chức năng của rừng.

e) Năng lực thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của nhà đầu tư.

f) Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án; phương án kinh doanh; phương án bảo vệ môi trường; hiệu quả của dự án.

g) Tổ chức giám sát các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

h) Các loại bản đồ tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 theo hệ quy chiếu VN2.000, gồm: bản đồ hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, du lịch trong phạm vi khu vực lập dự án; bản đồ quy hoạch các tuyến, điểm du lịch, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng.

2. Hồ sơ xin thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, gồm:

- a) Tờ trình của nhà đầu tư xin thuê môi trường rừng (bản chính).
- b) Dự án kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại khoản 1 Điều này (bản chính).

3. Trình tự thẩm định, phê duyệt dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

a) Nhà đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ và chuyển qua phòng Kế hoạch Tài chính tham mưu giải quyết). Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư để hoàn thiện.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành tổ chức thẩm định hồ sơ dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

4. Nội dung thẩm định dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng, gồm:

- a) Hiện trạng tài nguyên trong khu vực thuê môi trường rừng.
- b) Mức độ phù hợp của các loại hình và sản phẩm du lịch sinh thái so với Phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức chủ rừng giai đoạn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt.
- c) Địa điểm, quy mô, cấu trúc công trình xây dựng, vật liệu xây dựng các công trình phục vụ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
- d) Thời gian, phương thức tổ chức thực hiện.
- e) Tỷ lệ xây dựng so với diện tích của dự án.
- f) Các biện pháp bảo vệ rừng, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và duy trì các chức năng của rừng.
- g) Năng lực thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân.
- h) Hồ sơ thiết kế lâm sinh tại vị trí tác nghiệp lâm sinh phục vụ du lịch sinh thái (nếu có).

i) Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án; phương án kinh doanh; phương án bảo vệ môi trường; hiệu quả của dự án.

k) Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của các nhà đầu tư. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, chủ rừng, cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đảm bảo hiệu quả, phù hợp theo quy định của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

b) Hướng dẫn các nhà đầu tư thuê môi trường rừng lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên diện tích thuê môi trường rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

c) Thông báo cho chủ rừng ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí với các nhà đầu tư theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

d) Giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện/thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng ở những khu vực cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; đôn đốc các chủ rừng thực hiện kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng việc thuê môi trường rừng để gây ô nhiễm nguồn nước, không khí, đất, hủy hoại cây rừng, kể cả cây con tái sinh, khai thác lâm sản, khoáng sản trái phép và các hành vi vi phạm khác làm thiệt hại tài nguyên rừng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động đầu tư du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng theo quy định.

4. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn cụ thể về: mức giá cho thuê môi trường rừng; đơn vị thu tiền, thời gian thu tiền và phương thức quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc cho thuê môi trường rừng.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí thu được từ hoạt động cho thuê môi trường rừng.

5. Sở Xây dựng

Hướng dẫn cụ thể về vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường; quản lý không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của tổ chức, cá nhân trong diện tích được thuê môi trường rừng. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng; trường hợp phát hiện những nội dung không phù hợp Quy định này và quy định về quản lý quy hoạch, xây dựng có liên quan thì kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý, giải quyết.

6. Sở Du lịch

a) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giải pháp, tiêu chuẩn đảm bảo an toàn cho du khách khi tham gia các hoạt động du lịch sinh thái, giải trí.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng; trường hợp phát hiện các hoạt động liên quan đến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí không phù hợp với Quy định này và các quy định về văn hóa, thể thao, du lịch liên quan thì kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, xử lý.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng lập, thực hiện phương án, thủ tục bảo vệ môi trường, quản lý đất đai trong thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.

8. Sở Giao thông vận tải

a) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thuê môi trường thực hiện việc thi công các tuyến đường phục vụ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; hoàn thiện quy trình, thủ tục kết nối hạ tầng giao thông (đầu nối) trên các tuyến quốc lộ ủy thác, đường tỉnh và phương án vận chuyển hành khách du lịch (nếu có).

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động giao thông vận tải liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.

9. Chi cục Kiểm lâm

a) Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố và chủ rừng thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ và đột xuất việc cho thuê và được thuê môi trường rừng đặc dụng, phòng hộ.

b) Xử lý vi phạm về thuê môi trường rừng, bảo vệ rừng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10. Đơn vị chủ rừng cho thuê môi trường rừng

a) Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững; đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên diện tích được giao quản lý trình cơ quan, cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến các nhà đầu tư thuê môi trường rừng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời quản lý chặt chẽ, phát huy giá trị của các hệ sinh thái rừng, gắn với khai thác, sử dụng hiệu quả môi trường rừng trên địa bàn.

c) Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ rừng theo quy định của pháp luật trong các hoạt động quản lý rừng bền vững, cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên địa bàn.

d) Phối hợp với các nhà đầu tư đã được thuê môi trường rừng trước đây từ khi Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, tiến hành thực hiện chuyển tiếp và điều chỉnh hợp đồng thuê môi trường rừng theo đúng quy định. Ký hợp đồng mới thuê môi trường rừng đối với các nhà đầu tư theo kết quả phê duyệt dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của UBND tỉnh. Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, chủ rừng phải điều tra thống kê kỹ lưỡng tài nguyên rừng trên diện tích cho thuê (quay video, chụp hình để lưu dữ liệu) để làm căn cứ cho thuê và giám sát, đánh giá việc thực hiện hợp đồng.

e) Chủ rừng chịu hoàn toàn trách nhiệm về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trên diện tích cho thuê môi trường rừng; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thuê môi trường rừng trong thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng và các hoạt động khác liên quan đến kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

f) Triển khai thực hiện cho thuê môi trường rừng như một biện pháp và hoạt động quan trọng của tổ chức chủ rừng, để thu hút nguồn vốn đầu tư của các nhà đầu tư cho công tác bảo vệ rừng, bảo tồn các hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học, góp phần nâng cao giá trị và chức năng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, củng cố quốc phòng- an ninh, kinh tế- xã hội của hệ thống rừng đặc dụng và rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh.

g) Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí cho thuê môi trường rừng theo đúng quy định của pháp luật.

h) Nếu có các vấn đề phát sinh trong quá trình cho thuê môi trường rừng cần điều chỉnh, bổ sung, kịp thời đề xuất phương án xử lý, giải quyết phù hợp.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có diện tích rừng để cho thuê môi trường rừng

a) Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan trên địa bàn quản lý.

b) Phối hợp, hỗ trợ chủ rừng trong việc thực hiện cho thuê môi trường rừng theo đúng quy định của pháp luật và quản lý chặt chẽ, phát huy giá trị của các hệ sinh thái rừng, gắn với khai thác, sử dụng hiệu quả môi trường rừng trên địa bàn.

c) Phối hợp với chủ rừng thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; quản lý bảo vệ rừng của nhà đầu tư được thuê môi trường rừng theo dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt và hợp đồng thuê môi trường rừng.

Điều 11. Nhà đầu tư thuê môi trường rừng

1. Lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên diện tích thuê môi trường rừng theo hướng dẫn của chủ rừng; kịp thời báo cáo những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của chủ rừng, các cơ quan, có thẩm quyền về hoạt động quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, các hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và công tác quản lý bảo vệ rừng.

2. Chấp hành nghiêm, đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của bên thuê môi trường rừng, trong quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng bền vững môi trường rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

3. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm, nghĩa vụ quy định trong hợp đồng thuê môi trường rừng với chủ rừng theo quy định của pháp luật. Thực hiện các hoạt động đầu tư, kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo đúng nội dung dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động và các yêu cầu khác có liên quan./.